

Số: 58 /2008/TTLT-BTC-BTN&MT

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2008

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định
số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng
Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với
dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch**

Căn cứ Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách, cơ chế tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (sau đây gọi là dự án CDM), liên tịch Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn cụ thể một số quy định như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này hướng dẫn việc thu, nộp, quản lý, sử dụng tiền thu lệ phí bán Chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (sau đây gọi là CERs); việc quản lý CERs thu được từ dự án CDM sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi là ODA); việc trợ giá đối với sản phẩm của dự án CDM quy định tại các Điều 5, Điều 9, Điều 16 Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách, cơ chế tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (sau đây gọi là Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg).

2. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày được cấp, nhận, thực hiện việc phân chia CERs, chủ sở hữu CERs phải báo cáo với Bộ Tài nguyên và Môi trường và đăng ký với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam về đầu mối tiếp nhận CERs, số lượng CER được cấp, đã nhận, đã phân chia giữa các nhà đầu tư xây dựng và thực hiện dự án CDM.

Trường hợp có thay đổi về nội dung đã báo cáo hoặc đăng ký thì chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi, nhà đầu tư xây dựng và thực hiện dự án CDM (sau đây gọi là nhà đầu tư) phải thực hiện việc báo cáo, đăng ký lại.

3. Chủ sở hữu CERs khi bán hoặc chuyển CERs về nước (đối với nhà đầu tư nước ngoài) phải báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và hoàn thành nộp lệ phí bán CERs trước khi chuyển CERs cho bên mua hoặc chuyển CERs về nước.

Đối với các dự án CDM có sử dụng nguồn vốn ODA, CERs thu được thuộc sở hữu của Nhà nước. Nhà đầu tư thực hiện dự án có trách nhiệm bán

CERs và nộp vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam toàn bộ số tiền bán CERs sau khi trừ chi phí bán (nếu có).

4. Sản phẩm của dự án CDM có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg được trợ giá theo hướng dẫn tại Mục III Thông tư này. Nhà đầu tư là chủ sở hữu CERs được cấp từ dự án CDM có sản phẩm được trợ giá phải nộp lệ phí bán CERs theo hướng dẫn tại Mục II Thông tư này.

5. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định tại Thông tư này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó. Việc áp dụng Điều ước quốc tế được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh về ký kết và thực hiện Điều ước quốc tế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

II. THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG LỆ PHÍ BÁN CERs

1. Đối tượng chịu lệ phí bán CERs là các giảm phát thải đã được cấp, bán theo hợp đồng đã ký kết hoặc chuyển về nước.

2. Mức thu lệ phí bán CERs:

Mức thu lệ phí bán CERs tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền bán CERs theo hợp đồng đã ký kết hoặc giá trị của CERs mà nhà đầu tư nước ngoài chuyển về nước, áp dụng đối với từng dự án CDM thuộc các lĩnh vực sau:

Số TT	Lĩnh vực xây dựng, đầu tư thực hiện dự án	Mức thu
1	Nâng cao hiệu quả sử dụng, bảo tồn và tiết kiệm năng lượng.	1,2%
2	Khai thác, ứng dụng các nguồn năng lượng tái tạo.	1,2%
3	Trồng rừng, tái trồng rừng, bảo vệ rừng để tăng khả năng hấp thụ, giảm phát thải khí nhà kính.	1,2%
4	Chuyển đổi sử dụng nhiên liệu hoá thạch nhằm giảm phát thải khí nhà kính.	1,5%
5	Thu hồi khí mê-tan (CH ₄) từ các bãi chôn lấp rác thải, từ các hầm khai thác than để tiêu huỷ hoặc sử dụng cho phát điện, sinh hoạt.	1,5%
6	Giảm phát thải khí mê-tan (CH ₄) từ các hoạt động trồng trọt và chăn nuôi, ứng dụng khí sinh học.	1,5%

7	Thu hồi và sử dụng khí đốt đồng hành từ các mỏ khai thác dầu.	2%
8	Các lĩnh vực khác mang lại kết quả giảm phát thải khí nhà kính.	2%

3. Số tiền lệ phí bán CERs phải nộp được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền lệ phí} \\ \text{bán CERs} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức thu lệ} \\ \text{phí bán} \\ \text{CERs (\%)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng CER} \\ \text{bán hoặc} \\ \text{chuyển về nước} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá bán} \\ \text{CER} \\ \text{(đồng/CER)} \end{array}$$

Số lượng và giá bán CER được xác định căn cứ vào hợp đồng mua bán CERs được ký kết. Trường hợp chủ sở hữu CERs không bán mà chuyển CERs về nước thì số lượng CER để tính lệ phí là số lượng CER thực tế được chủ sở hữu CERs chuyển về nước, giá CER để xác định số tiền lệ phí phải nộp được căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm nộp lệ phí.

4. Thu, nộp lệ phí bán CERs

4.1. Chủ sở hữu CERs có trách nhiệm kê khai lượng CER bán hoặc chuyển về nước, tự tính và kê khai số tiền lệ phí phải nộp (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này); thực hiện nộp lệ phí bán CERs vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo đúng số liệu đã kê khai trước khi chuyển CERs cho bên mua hoặc chuyển về nước.

Đối với dự án CDM được đầu tư xây dựng và thực hiện theo hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg, nếu nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức tư vấn xây dựng dự án CDM không có trụ sở đóng tại Việt Nam thì ngay từ khi triển khai xây dựng dự án, nhà đầu tư trong nước có trách nhiệm thỏa thuận và thực hiện nộp thay lệ phí bán CERs cho các đối tác nước ngoài.

4.2. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tờ khai nộp lệ phí của chủ sở hữu CERs, tổ chức thu, quản lý, sử dụng lệ phí bán CERs theo hướng dẫn tại Thông tư này. Trường hợp chủ sở hữu không thực hiện nộp lệ phí theo quy định hoặc số lệ phí do chủ sở hữu CERs tự kê khai không đúng với lượng CER bán hoặc chuyển về nước, Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam kiểm tra và ra thông báo số lệ phí phải nộp (theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

4.3. Lệ phí bán CERs được thu bằng đồng Việt Nam. Trường hợp chủ sở hữu CERs đề nghị nộp bằng ngoại tệ thì được thu bằng ngoại tệ trên cơ sở quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu lệ phí.

5. Quản lý, sử dụng tiền lệ phí thu được

5.1. Lệ phí bán CERs là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được để lại toàn bộ cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam sử dụng chỉ cho các hoạt động sau:

5.1.1. Trang trải chi phí cho việc thu lệ phí.

5.1.2. Chi hỗ trợ cho các hoạt động phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức liên quan đến biến đổi khí hậu và CDM, bao gồm: Chi cho công tác thông tin, tuyên truyền liên quan đến biến đổi khí hậu và CDM trên các phương tiện thông tin đại chúng; chi biên soạn, in, phát hành tài liệu giới thiệu về Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Nghị định thư Kyoto và các hướng dẫn của Ban chấp hành quốc tế về CDM; chi cho hội thảo, tập huấn, đào tạo và bồi dưỡng kiến thức liên quan đến biến đổi khí hậu và CDM; chi tổ chức các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ cho công tác thông tin, tuyên truyền.

5.1.3. Chi hỗ trợ cho việc xem xét, phê duyệt tài liệu dự án CDM, quản lý và giám sát thực hiện dự án CDM bao gồm:

- Chi cho các hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và Nghị định thư Kyoto.
- Chi cho các hoạt động quản lý và giám sát thực hiện dự án CDM.

Mức chi cụ thể đối với các nội dung nêu tại điểm 5.1.2, điểm 5.1.3 được thực hiện theo các định mức, tiêu chuẩn chế độ có liên quan do Bộ Tài chính quy định; đối với các nội dung chưa có định mức, tiêu chuẩn chế độ, Thủ trưởng cơ quan được hỗ trợ kinh phí căn cứ vào điều kiện thực tế và kinh phí được hỗ trợ để quyết định mức chi và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Hàng năm, căn cứ vào yêu cầu của các nhiệm vụ: Phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về CDM; xem xét, phê duyệt tài liệu dự án CDM; quản lý và giám sát thực hiện dự án CDM được giao và nguồn kinh phí đã được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước, cơ quan, tổ chức có liên quan phải lập dự toán gửi Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam xem xét hỗ trợ kinh phí.

5.1.4. Chi hỗ trợ xây dựng văn kiện thiết kế dự án CDM

a. Điều kiện hỗ trợ:

- Thuộc Danh mục lĩnh vực xây dựng, đầu tư thực hiện dự án CDM quy định tại Điều 3 Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg và điểm 2 Mục II Thông tư này.

- Trong quá trình xây dựng văn kiện thiết kế dự án không có nguồn tài trợ khác.

- Văn kiện thiết kế dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Thư phê duyệt.

- Nhà đầu tư có văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí kèm theo bản tổng hợp chi phí xây dựng văn kiện thiết kế dự án và các chứng từ chi có liên quan gửi Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

b. Mức hỗ trợ do Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam xem xét quyết định trong phạm vi nguồn thu từ lệ phí bán CERs nhưng tối đa không quá 30% chi phí thực tế xây dựng văn kiện thiết kế dự án.

5.2. Số tiền lệ phí bán CERs còn lại sau khi chi cho các hoạt động quy định tại điểm 5.1 Mục II Thông tư này được bổ sung vào vốn hoạt động của Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam.

5.3. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ quy định số tiền lệ phí bán CERs thu được, tiền thu từ bán CERs do nhà đầu tư thực hiện dự án CDM sử dụng nguồn vốn ODA nộp vào Quỹ, cuối năm nếu chưa sử dụng hết thì được chuyển sang năm sau để sử dụng theo quy định.

Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng và công khai việc thu và sử dụng lệ phí bán CERs không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

III. TRỢ GIÁ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN CDM

1. Đối tượng được trợ giá từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là sản phẩm của các dự án CDM sau:

1.1. Điện được sản xuất từ năng lượng gió, mặt trời, địa nhiệt và thủy triều.

1.2. Điện được sản xuất từ thu hồi khí mêtan (CH_4) từ các bãi chôn lấp rác thải, từ các hầm khai thác than.

2. Điều kiện trợ giá:

2.1. Thuộc sản phẩm được trợ giá quy định tại điểm 1 Mục III Thông tư này.

2.2. Phương án giá sản phẩm được Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam thẩm định, có kết quả là chi phí sản xuất thực tế của sản phẩm lớn hơn giá bán theo hợp đồng.

2.3. Hợp đồng bán sản phẩm đã được ký kết và có hiệu lực, trong hợp đồng thể hiện rõ giá bán của sản phẩm.

2.4. Dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Thư xác nhận hoặc Thư phê duyệt.

2.5. Nhà đầu tư có sản phẩm trợ giá có văn bản đề nghị trợ giá kèm theo hồ sơ hướng dẫn tại Khoản 5 Mục III Thông tư này gửi Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

3. Mức trợ giá cho một đơn vị sản phẩm